

Số: /BHXH-GĐBHYT

Bình Định, ngày tháng 7 năm 2021

V/v xác định quỹ định suất tạm tính 6 tháng
cuối năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bình Định

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 17 Thông tư số 04/2021/TT-BYT ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn thanh toán chi phí khám, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) theo định suất và Công văn số 2008/BHXH-CSYT ngày 12/7/2021 của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc thông báo quỹ định suất tạm tính năm 2021 (đính kèm).

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 34 cơ sở KCB hợp đồng KCB BHYT, trong đó có: 05 cơ sở KCB chuyên khoa (Bệnh viện Y học cổ truyền & PHCN, Bệnh viện Lao & bệnh Phổi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện CH & PHCN) và 05 cơ sở KCB thực hiện Hợp đồng KCB BHYT sau tháng 3 năm 2019 (Bệnh viện Bình Định, PKĐK Bửu Hoa, PKĐK Thu Phúc, PKĐK Thành Danh, PKĐK Đinh Trọng Sơn) còn lại 24 cơ sở KCB thực hiện phương thức thanh toán theo định suất.

Qua số liệu tính toán của Trung tâm Giám định và Thanh toán đa tuyến - BHXH Việt Nam và BHXH tỉnh, BHXH tỉnh Bình Định xin ý kiến Sở Y tế tỉnh Bình Định quỹ định suất tạm giao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở KCB	CHI TRONG ĐỊNH SUẤT TẠI CƠ SỞ 2019	QUỸ ĐỊNH SUẤT CỦA CƠ SỞ (SAU K2)	QUỸ ĐỊNH SUẤT CỦA CƠ SỞ THỰC GIAO	QUỸ ĐS TẠM GIAO QUÝ III/2021	QUỸ ĐS TẠM GIAO QUÝ IV/2021
A	B	C	1	2	3=2*95%	4=3*27%	5=4
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	52001	31.706	29.595	28.115	7.591	7.591
2	Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	52002	31.631	36.989	35.139	9.488	9.488
3	Bệnh viện 13/QK5	52004	2.253	1.309	1.244	336	336
4	Trung tâm y tế huyện Tuy Phước	52006	20.168	21.153	20.095	5.426	5.426
5	Trung tâm y tế thị xã An Nhơn	52007	21.000	23.427	22.256	6.009	6.009
6	Trung tâm y tế huyện Vân Canh	52008	3.439	3.447	3.275	884	884
7	Trung tâm y tế huyện Phù Cát	52009	30.229	29.657	28.174	7.607	7.607
8	Bệnh viện Phong - Da liễu TƯ Quy Hòa	52010	8.157	3.104	2.949	796	796
9	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thạnh	52011	6.494	6.778	6.439	1.739	1.739
10	Trung tâm y tế huyện An Lão	52012	3.817	4.012	3.811	1.029	1.029
11	Trung tâm y tế huyện Hoài Ân	52013	8.284	8.873	8.429	2.276	2.276
12	Trung tâm y tế thị xã Hoài Nhơn	52014	10.726	11.835	11.243	3.036	3.036
13	Trung tâm y tế huyện Phù Mỹ	52015	18.241	18.558	17.630	4.760	4.760
14	Bệnh viện đa khoa KV Bồng Sơn	52017	20.570	20.528	19.501	5.265	5.265
15	Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	52019	14.743	14.745	14.007	3.782	3.782
16	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh BD	52024	1.656	1.637	1.555	420	420
17	Trung tâm y tế huyện Tây Sơn	52185	17.056	17.883	16.989	4.587	4.587
18	Phòng khám đa khoa Hương Sơn	52186	12.556	13.987	13.288	3.588	3.588

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở KCB	CHI TRONG ĐỊNH SUẤT TẠI CƠ SỞ 2019	QUỸ ĐỊNH SUẤT CỦA CƠ SỞ (SAU K2)	QUỸ ĐỊNH SUẤT CỦA CƠ SỞ THỰC GIAO	QUỸ ĐS TẠM GIAO QUÝ III/2021	QUỸ ĐS TẠM GIAO QUÝ IV/2021
A	B	C	1	2	3=2*95%	4=3*27%	5=4
19	Phòng khám đa khoa 38 Lê Lợi	52187	16.737	18.120	17.214	4.648	4.648
20	Phòng khám đa khoa Thành Long	52196	23.919	24.252	23.039	6.221	6.221
21	Phòng khám đa khoa Toàn Mỹ	52199	901	909	864	233	233
22	Phòng khám đa khoa Điều Trị	52200	3.034	3.016	2.866	774	774
23	Phòng khám đa khoa Phạm Ngọc Thạch	52201	1.447	1.460	1.387	375	375
24	Phòng khám đa khoa Giang San	52202	7.923	8.443	8.021	2.166	2.166
	Tổng cộng		316.686	323.715	307.530	83.033	83.033

Số liệu tính toán cụ thể quỹ định suất tạm tính 6 tháng cuối năm 2021 đối với từng cơ sở KCB theo hướng dẫn tại Thông tư 04/2021/TT-BYT (file mềm đính kèm).

BHXXH tỉnh đề nghị Sở Y tế có ý kiến bằng văn bản việc xác định quỹ định suất tạm giao 6 tháng cuối năm 2021 để BHXXH tỉnh làm căn cứ thông báo cho từng cơ sở KCB thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD BHXXH tỉnh;
- Các phòng: KHTC, TT-KT;
- Lưu: VT, GĐBHYYT(2b).

GIÁM ĐỐC

Võ Năm